

Số: 01 /BC- BCĐPCGD

Sơn Tiến, ngày 16 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm 2026

I. Tình hình thực hiện và kết quả PCGD, XMC

1. Công tác của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC

a. Công tác tham mưu, chỉ đạo

Thực hiện Công văn số 3390/SGDDĐT-GDNN&GDTX ngày 11/9/2026 của Sở GDĐT Hà Tĩnh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026, UBND xã Sơn Tiến đã kịp thời chỉ đạo và triển khai thực hiện như sau:

- Kiện toàn và phân công nhiệm vụ Ban Chỉ đạo PCGD, XMC cấp xã: Quyết định số 1069/QĐ-UBND, ngày 25/9/2026 của UBND xã về việc Kiện toàn Ban chỉ đạo PCGD,XMC xã Sơn Tiến giai đoạn 2025-2030.

- Xây dựng kế hoạch triển khai công tác PCGD, XMC: Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 25/9/2026 về Thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026 và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi giai đoạn 2026 - 2030;

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp thực hiện nhiệm vụ điều tra, cập nhật dữ liệu lên phần mềm PCGD, duy trì và nâng cao kết quả PCGD, XMC: Công văn số 1591/UBND-VHXXH ngày 16/9/2026 của UBND xã về việc hướng dẫn triển khai thực hiện công tác PCGD,XMC;

- Thành lập đoàn tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC; kiểm tra, xác định mức độ đạt chuẩn của xã và lập hồ sơ đề nghị tỉnh kiểm tra, công nhận xã đạt chuẩn PCGD, XMC theo quy định: Quyết định 1117/QĐ -UBND ngày 08/10/2026 của UBND xã về việc Thành lập đoàn kiểm tra công tác phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm 2026.

b. Công tác tuyên truyền

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về phổ cập giáo dục cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh để có nhận thức đúng về công tác phổ cập, từ đó nhà trường, gia đình, xã hội cùng chung tay vì công tác phổ cập xóa mù chữ, vì sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh ở xã, ở thôn xóm; qua các hội nghị, các ngày lễ, qua các cuộc hội họp tại khu dân cư để tuyên truyền, phổ biến các quyết định, Nghị định của Thủ Tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ GD&ĐT; Chỉ thị, kế hoạch của UBND tỉnh về công tác phổ cập giáo dục.

c. Sắp xếp trường học, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

Thực hiện Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của UBND tỉnh; Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 15/8/2026 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung Phương án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, UBND xã đã ban hành và thực hiện Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục trên địa bàn, sau sắp xếp hiện có 3 trường học gồm 01 trường MN, 01 trường Tiểu học và 01 trường TH&THCS (giảm 5 trường, tỷ lệ giảm 62,5%).

Ủy ban nhân dân xã bảo đảm quy hoạch diện tích đất để phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở để giảm điểm trường đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục học sinh, phù hợp với đặc điểm của địa bàn, địa phương. Xã cũng đã đầu tư kiên cố hóa trường, lớp học, đồng thời lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và các nguồn kinh phí khác để xây dựng cơ sở vật chất các trường học theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa, đảm bảo đủ phòng học, phòng chức năng, sân chơi và các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định hiện hành. Năm học 2026-2027 đang triển khai xây dựng 2 nhà đa năng, 1 dãy nhà học cao tầng 10 phòng trị giá hơn 25 tỷ đồng.

Ngay từ đầu năm học, các nhà trường cũng đã tiến hành rà soát cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Từ đó tham mưu, đề xuất với lãnh đạo địa phương tu sửa, xây mới hệ thống phòng học, bếp ăn bán trú, công trình vệ sinh...; bổ sung trang thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi...đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu dạy học. Phong trào xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ngày càng khởi sắc.

d. Thực hiện chế độ, chính sách cho giáo dục và cho công tác phổ cập

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc cơ chế học bổng, học phí, chính sách hỗ trợ đặc biệt cho người khuyết tật học tập và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; cấp phát sách giáo khoa cho học sinh con gia đình chính sách và gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

đ. Công tác xã hội hóa giáo dục

Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất trường học, củng cố, chăm lo đầy đủ các điều kiện CSVC cần thiết để phục vụ cho các hoạt động giáo dục.

- Giải pháp để huy động các nguồn lực trong xã hội

+ Tuyên truyền để mọi người hiểu về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phát triển văn hóa, giáo dục, ý nghĩa của việc xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

+ Tập trung các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục để củng cố niềm tin và sự ủng hộ của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân.

+ Làm tốt công tác tham mưu, phối hợp với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức cơ quan, ban ngành, đơn vị...

+ Phối hợp với Hội khuyến học và Hội Cựu giáo chức, công đoàn ngành các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị xã hội trong công tác tuyên truyền.

+ Tranh thủ sự tài trợ, ủng hộ của các tập thể, cá nhân, doanh nghiệp các nhà hảo tâm.

- Kết quả đạt được

+ Hàng năm, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đã tăng cường đầu tư cho giáo dục; tranh thủ và dành nhiều chương trình, dự án để xây dựng, nâng cấp, cải tạo và bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ em các trường học theo yêu cầu chuẩn hoá, từng bước hiện đại hoá, đáp ứng mục tiêu phổ cập cho trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi, nâng cao chất lượng và thực hiện tốt mục tiêu công tác phổ cập giáo dục.

+ Thực hiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp phù hợp. Đẩy mạnh tiến độ xây dựng các trường học đạt chuẩn quốc gia đảm bảo tiêu chí trường học và tiêu chí giáo dục phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương; thường xuyên quan tâm xây dựng cảnh quan trường, lớp, môi trường sư phạm, môi trường học tập gắn với phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Giữ vững và phát triển số lượng, chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia. Đến nay trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS đã đạt chuẩn quốc gia.

e. Công tác phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thực hiện PCGD, XMC

Các phòng, ban, ngành đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn có sự phối hợp tốt. Các cơ quan đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn có sự phối hợp tốt trong việc thực hiện PCGD-XMC. Cụ thể: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng dân cư cho từng đoàn viên, hội viên nâng cao nhận thức và tham gia tích cực trong công tác phổ cập giáo dục, đồng thời vận động các gia đình, người thân, dòng họ có con em trong độ tuổi đi học đều ra lớp. Phân đầu 100% các thôn, các gia đình không có trẻ bỏ học, hoặc không ra lớp học.

Các ban, ngành, đoàn thể của địa phương tuyên truyền dưới nhiều hình thức: Phát thanh, tuyên truyền panô, áp phích, phát tờ rơi tới từng hộ gia đình, tuyên truyền trên trang Website của các trường, kết hợp công tác tuyên truyền về phổ cập giáo dục triển khai để phụ huynh nắm chắc về mục tiêu phổ cập giáo dục.

Ngành Y tế đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe trẻ tại các nhà trường. Phổ biến kiến thức, kỹ năng và hướng dẫn chăm sóc, giáo dục sức khỏe tại gia đình.

Hội khuyến học huyện tăng cường phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan thực phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của từng địa phương, cơ sở, gia đình để kịp thời xem xét, giải quyết nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ để thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục của xã.

Các tổ chức xã hội như: Hội Phụ nữ, Hội Khuyến học, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên....tích cực trong công tác phối hợp tham gia công tác tuyên truyền, vận động và cùng chung tay, góp sức vào công tác Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

2. Kết quả Phổ cập giáo dục mầm non 3-5 tuổi

a) Tiêu chuẩn trẻ em

- Huy động trẻ: 528/576 trẻ dân số 3 đến 5 tuổi (tỷ lệ 91,67%).
- Tỷ lệ trẻ em từ 3 đến 5 tuổi hoàn thành chương trình Mầm non 3- 4 tuổi và 4-5 tuổi năm học 2025-2026: 527/539 trẻ (tỷ lệ 97,59%);
- Số trẻ em từ 3 đến 5 tuổi được học 2 buổi/ngày: 528 trẻ/528 trẻ (tỷ lệ 100%).

b) Điều kiện bảo đảm đối với công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

* Về đội ngũ: 35GV/16 lớp Mẫu giáo (Tỷ lệ: 2,2%).

Trường mầm non thực hiện tốt chính sách cho giáo viên, 100% giáo viên được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

35/35 giáo viên (Tỷ lệ:100%) giáo viên dạy lớp mẫu giáo 3-4, 4-5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên; có 35/35 giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo (Tỷ lệ 100%); trong đó, có 35/35 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn (Tỷ lệ 100%).

* Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

Có đủ phòng học cho lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi đảm bảo tỷ lệ 100 phòng/lớp.16 phòng/16 lớp (Tỷ lệ: 100%) có phòng học lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi bảo đảm điều kiện theo quy định, phòng học bảo đảm an toàn, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; đủ ánh sáng; phòng sinh hoạt chung bảo đảm diện tích tối thiểu 1,50 m2/trẻ.

16/16 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi có đủ bộ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu theo quy định.

Trường mầm non đảm bảo xanh, sạch, đẹp và an toàn; có nguồn nước sạch và hệ thống thoát nước; có nhà bếp; công trình vệ sinh đủ và đạt yêu cầu; sân chơi có đồ chơi ngoài trời.

* Đánh giá kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi: đơn vị đạt chuẩn. Đạt PCGD mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

3. Kết quả PCGD, XMC năm 2026

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2016 của Bộ GDĐT về việc đính chính Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GDĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông.

3.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Tổng số trẻ 5 tuổi trên địa bàn: 290 (trong đó không tính 2 em khuyết tật đã đi học);
- Tổng số trẻ 5 tuổi được huy động: 290
- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường: 290/290, tỷ lệ 100%.
- Tỷ lệ trẻ học 2 buổi trên ngày: 290/290, tỷ lệ 100%.
- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non năm học 2025-2026: 281/281, tỷ lệ 100%. (Sinh năm 2020).
- Tổng số trẻ 3 - 5 tuổi: 870 trẻ, ra lớp: 820 trẻ, Tỷ lệ: 94,25%; trong đó trẻ học tại địa bàn là 516 trẻ (*trong đó có 3 trẻ khuyết tật đã tính tỷ lệ*), trẻ học ngoài địa bàn là 304 trẻ.
- Tổng số trẻ từ 0 đến 2 tuổi: 670 trẻ, ra lớp: 128 trẻ, Tỷ lệ: 19,1%; trong đó trẻ học tại địa bàn là 91 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 37 trẻ.
- Tổng số trẻ 0 đến 5 tuổi khuyết tật trên địa bàn: 5; số trẻ có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 3; Tỷ lệ: 60%.

* *Kết quả:*

Đối chiếu theo các tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi quy định tại Nghị định 20/2014/NĐ-CP của Chính phủ, năm 2026 xã *Sơn Tiến đạt chuẩn PCGD trẻ em 5 tuổi*

2.3. Phổ cập giáo dục tiểu học

- Tổng số trẻ 6 tuổi trên địa bàn: 281 em
- Tổng số trẻ 6 tuổi huy động vào lớp 1: 281 em đạt tỷ lệ 100%.
- Tổng số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (năm học 2025 - 2026): 306 em, đạt tỷ lệ 98,71%.

- Tổng số trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (tính đến năm học 2025 - 2026): 1134 em, đạt tỉ lệ 99,56%; trong đó số trẻ em 14 tuổi 282 em; số trẻ 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 282 em, đạt tỉ lệ 100%.

- Tổng số trẻ 11 tuổi đang học ở tiểu học 04 em, chiếm tỉ lệ 1,29%.

- Số trẻ 6-14 tuổi phải phổ cập chưa đi học: 0 em; Tỉ lệ: 0%.

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-14 tuổi trên địa bàn: 11 em; trong đó số trẻ khuyết tật 11-14 tuổi được tiếp cận giáo dục: 09 em, tỉ lệ: 81,8%.

*** Kết quả: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3**

2.4. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi phải phổ cập 833; số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS (tính đến năm học 2025-2026): 813 em; Tỉ lệ 97,6 %.

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN: 771 em; Tỉ lệ 92,56 %.

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 11-18 tuổi bỏ học 16 em; tỷ lệ 0,81 %, trong đó 11-14 tuổi bỏ học: 0 ; độ tuổi từ 15-18 tuổi bỏ học: 16 em, tỷ lệ 1,92 %

- Số lớp PCGD THCS: 0 tỷ lệ: 0 %;

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11 -18 tuổi trên địa bàn: 18; số trẻ khuyết tật 11 -18 tuổi được tiếp cận giáo dục: 16 em đạt Tỉ lệ: 88,9 %.

*** Kết quả: Đơn vị đạt PCGD THCS mức độ 3**

2.5 Kết quả xóa mù chữ

Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25: 2490 người, trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ: 2490 đạt tỉ lệ: 100%.

- Số người trong độ tuổi từ 15-25 mù chữ: 0 đạt tỉ lệ: 0 %, trong đó:

+ Số người mù chữ mức độ 1: 0 người đạt Tỉ lệ: 0%;

+ Số người mù chữ mức độ 2: 0 người đạt Tỉ lệ: 0%.

Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: 6118 người, trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ: 6118 người, tỉ lệ: 100%

- Số người trong độ tuổi từ 15-35 mù chữ: 0 người đạt tỉ lệ: 0%, trong đó:

+ Số người mù chữ mức độ 1: 0 người đạt Tỉ lệ: 0%;

+ Số người mù chữ mức độ 2: 0 người đạt Tỉ lệ: 0%.

Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: 12551 người, trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ: 12551 người, tỉ lệ: 100%

- Số người trong độ tuổi từ 15- 60 mù chữ: 0 người, tỉ lệ: 0%, trong đó:

- + Số người mù chữ mức độ 1: 0 người; Tỷ lệ: 0%;
- + Số người mù chữ mức độ 2: 0 người; Tỷ lệ: 0%.
- Số lớp huy động XMC: 0/ 0 lớp/học viên.

*** Kết quả: Đơn vị đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2**

3. Điều kiện đảm bảo

3.1.1. Mầm non

- Hiện tại sau sáp nhập trường mầm non Sơn Tiến đang đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.
- Tổng số lớp 5 tuổi: 8 lớp; tổng số phòng học 5 tuổi: 8 phòng, trong đó 08 phòng kiên cố, đảm bảo an toàn cho trẻ, đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, mát về mùa hè;
- 8/8 lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non;
- Có công trình nước sạch, bếp ăn, sân chơi ngoài trời, đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn và được sử dụng thường xuyên.

3.1.2. Tiểu học

- Hiện tại sau sáp nhập trường Tiểu học Hà Huy Giáp đang đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.
- Có đủ 01 phòng học/lớp. Phòng học theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập (nếu có) thuận lợi; có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội, phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên.
- Thiết bị dạy học tối thiểu: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học và Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học, Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở, Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông. Các thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên, dễ dàng, thuận tiện.
- Có sân chơi, bãi tập có diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên; xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có

công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, đảm bảo vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

3.1.3. THCS

- Số phòng học đạt tỷ lệ 01 phòng/lớp; phòng học bộ môn đáp ứng cho hoạt động dạy và học theo chương trình GDPT 2018; phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện, phòng thí nghiệm.

- Đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở và Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học, Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở, Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông; thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên, dễ dàng, thuận tiện.

- Sân chơi và bãi tập với tổng diện tích đầy đủ, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

3.2. Giáo viên

3.2.1. Mầm non

Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 68 người, trong đó hợp đồng làm việc 68 người, ngoài ra còn có hợp đồng lao động 08 người (trong đó giáo viên, nhân viên các nhóm trẻ độc lập, tự thực 0 người).

- Tổng số CBQL: 04 người, trong đó Hiệu trưởng 01 người, Phó hiệu trưởng 03 người.

- Tổng số giáo viên 60 người (trong đó giáo viên nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực: 0 người); giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi 18 người, trong đó hợp đồng làm việc 18/18 người, tỷ lệ 100%. 18/18 giáo viên có trình độ trên chuẩn, tỷ lệ 100%. Tỷ lệ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi: 2,2 giáo viên/lớp.

3.2.2. Tiểu học

- Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 72; trong đó: CBQL 04; giáo viên 61; tổng phụ trách Đội 01; nhân viên 06; tỷ lệ GV/lớp: 1,49.

- 100% giáo viên đạt yêu cầu Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định tại Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT ngày 14/4/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Đủ nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng theo quy định tại Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ quy định về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với Hiệu trưởng, Giám đốc, Phó Hiệu trưởng, Phó Giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

3.2.3. THCS

- Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 90; trong đó: CBQL: 3 ; giáo viên 73; giáo viên TPT Đội 01; nhân viên 13 đạt chuẩn đào tạo 73, tỷ lệ 100%; trên chuẩn 02 tỷ lệ 2,9%.

- Đủ nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng theo quy định tại Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ quy định về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với Hiệu trưởng, Giám đốc, Phó Hiệu trưởng, Phó Giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

-100% giáo viên đạt yêu cầu Chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS theo quy định tại Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT ngày 14/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

3.3. Kinh phí PCGD, XMC:

Các trường đã hỗ trợ kinh phí cho công tác điều tra, sử dụng phần mềm

Xã đảm bảo kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo PCGD.

Tổng số kinh phí: 15 triệu đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục tích cực tham mưu cho HĐND - UBND thực hiện tốt công tác phổ cập trên địa bàn. Có đầy đủ văn bản chỉ đạo các bộ phận tổ chức thực hiện. Phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban ngành đoàn thể để triển khai kế hoạch, chỉ đạo sát sao các địa phương xây dựng và thực hiện phổ cập giáo dục, chống mù chữ hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Chủ động triển khai và làm tốt tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các đoàn thể, gia đình, cộng đồng về vị trí, tầm quan trọng của công tác phổ cập giáo dục, chống mù chữ.

- Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, báo cáo tình hình thực hiện Phổ cập giáo dục, chống mù chữ với lãnh đạo UBND, hệ thống hồ

sơ đầy đủ, phẩm mềm, các biểu mẫu thống kê được cập nhật chính xác các thông tin theo quy định.

2. Hạn chế

- Nhận thức của bộ phận nhân dân về giáo dục đào tạo còn hạn chế, việc phân luồng sau THCS gặp nhiều khó khăn. Trên địa bàn thiếu các cơ sở đào tạo nghề có uy tín, không có nhiều các công ty, nhà máy, dự án để thu hút việc làm cho học viên đã tham gia học nghề.

- Một số trẻ 3-4 tuổi chưa ra lớp để tham gia chương trình giáo dục mầm non.

III. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCGD, XMC NĂM 2026

1. Mục tiêu chung

1.1. Mầm non

Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi đồng thời chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên, nhân viên để từng bước phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị quyết 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội và Nghị định 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 Nghị định Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH 15 về PCGD mầm non cho trẻ em 3-5 tuổi.

Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN 100%.

1.2. Tiểu học

- Củng cố, nâng cao kết quả PCGDTH mức độ 3;

- Huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%.

- Học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 98,5% trở lên. 100% học sinh từ 11-13 tuổi chưa hoàn thành chương trình tiểu học đang học ở các lớp tiểu học. Học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, không có học sinh bỏ học.

1.3. THCS

- Củng cố vững chắc đạt chuẩn phổ cập THCS mức độ 3.

- Huy động học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%; giảm tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 1%.

- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS đạt 99% trở lên.

- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt ít nhất 90%.

- Trẻ khuyết tật từ 11 đến 18 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt tỷ lệ 90% trở lên.

1.4. Xóa Mù chữ

- Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 25 là 100%.
- Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 35 là 100%.
- Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 60 là 100%.
- Duy trì xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu cho Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phối hợp với các ngành, đoàn thể thường xuyên coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục sát thực tế để duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền.

- Tiếp tục thực hiện XHHGD để tăng cường nguồn lực cho giáo dục. Huy động các nguồn lực nhằm nâng cao cơ sở vật chất; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; xây dựng trường học thân thiện xanh, sạch, đẹp.

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ chăm sóc, dạy học, giáo dục ở các trường.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến quần chúng nhân dân về ý nghĩa của việc PCGD, XMC.

- Đầu tư kinh phí cho các hoạt động liên quan đến phổ cập giáo dục và xóa mù chữ; đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia công tác điều tra, xử lý số liệu.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm 2026 xã Sơn Tiến kính gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Các trường học;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. BAN CHỈ ĐẠO PCGD, XMC
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Văn Duẩn
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ